**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HC-PT
Ngày 08 – 5 – 2018
V/v khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thanh

*Các Thẩm phán:* Bà Mai Thị Tú Oanh

Bà Huỳnh Thanh Duyên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 141/2017/TLPT–HC ngày 05 tháng 6 năm 2017 về "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do bản án hành chính sơ thẩm: 526/2017/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 386/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2017; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ.

Trụ sở: Đường số X, Khu phố X1, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện*: Ông Lê Anh Q - Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ (Công ty TNHH Đ); Cư trú tại: Đường số X2, Phường X3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, phường B, Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện* (được ủy quyền theo văn bản số 06/UQ-HQHCM ngày 27/4/2018): Ông Phan Minh L – Phó Cục trưởng

Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: đường T, phường B, Quận X4, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

+ Ông Huỳnh Minh T – Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường C, Phường X5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

+ Ông Huỳnh Trung K – Phó Đội trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường H, Phường X6, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

+ Bà Hoàng Thị Kim N – Kiểm tra viên Chi cục Kiểm tra sau thông quan Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Chung cư K – T, Đường T, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Mai L1 – Kiểm tra viên Chi cục Kiểm tra sau thông quan Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường H, Phường X6, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh (do người đại diện theo ủy quyền thực hiện).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ có ông Lê Anh Q là người đại diện theo pháp luật trình bày:*

Trong thời gian từ ngày 20/10/2014 đến ngày 28/12/2015, Công ty TNHH Đ đã làm thủ tục nhập khẩu mặt hàng vải cotton pha tồn kho, khổ rộng 58/60 inch tại một số Chi cục Hải quan trực thuộc Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02/12/2015, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 4613/QĐ-HQHCM về kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan, thời gian kiểm tra là 05 ngày làm việc kể từ ngày 08/12/2015. Ngày 09/12/2015, Công ty TNHH Đ nhận được quyết định trên.

Ngày 21/12/2015, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ra Thông báo số 3742/TB-HQHCM về kết quả kiểm tra sau thông quan. Ngày 31/12/2015, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT–STQ về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Ngày 04/01/2016, Công ty TNHH Đ nhận được Thông báo số 3742/TB–HQHCM và Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT–STQ của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31/3/2016, Công ty TNHH Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 và Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT–STQ ngày 31/12/2015 về việc ấn định

thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/8/2016, Công ty TNHH Đ nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT–STQ ngày 31/12/2015, rút yêu cầu hủy Thông báo số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Những lý do mà Chi cục kiểm tra sau thông quan – Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra để bác bỏ giao dịch là không có cơ sở. Công ty TNHH Đ không đồng ý với các nội dung trong thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan và trình bày quan điểm như sau:

- Cục Hải quan cho rằng Công ty không đến làm việc theo lịch hẹn: Quyết định số 4613/QĐ-HQHCM ngày 02/12/2015 của Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan đối với Công ty TNHH Đ có nội dung yêu cầu kiểm tra trong 5 ngày làm việc kể từ ngày 08/12/2015 nhưng đến ngày 09/12/2015 Công ty mới được nhận quyết định. Ngày 11 và ngày 14/12/2015, ông H là đại diện của Công ty TNHH Đ có đến trụ sở của Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh làm việc nhưng phía Cục hải quan không yêu cầu ông H xuất trình giấy ủy quyền, không lập biên bản kiểm tra và không trao đổi, giải quyết những nội dung trong quyết định kiểm tra sau thông quan. Việc này vi phạm điểm b khoản 3 Điều 142 thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính.

- Cục Hải quan xác định hợp đồng ngoại thương, hóa đơn thương mại, bản kê chi tiết đóng gói hàng hóa của một số tờ khai hải quan với các đối tác không ghi tên đại diện, địa chỉ người bán: Tên người đại diện, trụ sở của bên bán không phải là yếu tố bắt buộc trong hợp đồng. Việc một số hợp đồng cùng bên bán nhưng chữ ký của người đại diện khác nhau vì công ty đối tác có nhiều người đại diện được phép ký kết hợp đồng.

- Cục Hải quan cho rằng tên hàng trên vận đơn có điểm khác biệt với tên hàng trên chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan và khai báo hải quan: Vận đơn chỉ là hợp đồng vận tải giữa người bán với hãng tàu về việc vận chuyển hàng hóa nên thường ghi ngắn gọn tên hàng, trọng lượng, số lượng, khối lượng, số khối. Vận đơn không nhất thiết phải ghi chi tiết toàn bộ tính chất của hàng hóa.

- Cục Hải quan cho rằng các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan và khai báo hải quan không thể hiện các thông số về tỷ lệ thành phần của vải, mật độ sợi, tỷ lệ sợi công dụng: Cơ quan Hải quan viện dẫn Thông tư số 156/2011/TT-BTC ngày 14/11/2011 và Thông tư số 103/2015/TT-BTC và cho rằng Công ty TNHH Đ không khai báo đầy đủ mô tả hàng hóa là không có căn cứ. Vì các văn bản trên chỉ hướng dẫn việc phân loại áp mã hàng hóa theo thành phần, công dụng. Công ty TNHH Đ đã dựa trên hướng dẫn của các văn bản trên để khai báo những thông tin cần thiết đủ để áp mã hàng hóa. Công ty TNHH Đ mua hàng tồn kho nên hồ sơ chứng từ nhập khẩu chỉ ghi là vải Cotton pha, không ghi rõ các tiêu chí về thành phần của vải… nhưng trên hợp đồng ngoại thương tại Khoản II mục Chất lượng hàng hóa đều có ghi rõ là vải tồn khi lỗi mốt, loại B.

- Cục Hải quan nhận định tờ khai số 100351842250 A11 ngày 02/4/2015 tại thời điểm kiểm tra chưa xuất trình chứng từ thanh toán: Theo khoản IV của hợp đồng ngoại thương số 090315/DTP-WIM quy định bên mua được trả chậm trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận hàng. Căn cứ ngày mở tờ khai là 02/4/2015 và ngày cung cấp hồ sơ cho chi cục kiểm tra sau thông quan – Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh là ngày 15/6/2015 thì Công ty TNHH Đ vẫn chưa hết thời hạn thanh toán. Ngày 24/6/2015, công ty TNHH Đ đã thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu cho bên bán thông qua Ngân hàng HD Bank chi nhánh Sài Gòn.

- Cục Hải quan xác định trên chứng từ thanh toán qua ngân hàng của tờ khai số 100292827460 A11 ngày 02/02/2015, tên tài khoản thụ hưởng không trùng khớp tên thụ hưởng trên hợp đồng: Sau khi nhập khẩu hàng hóa, gần đến ngày thanh toán thì bên bán yêu cầu Công ty TNHH Đ thanh toán cho tên công ty và tài khoản mà họ chỉ định, hai bên đã ký phụ lục hợp đồng trả tiền theo chỉ định của người bán.

Việc một số tờ khai hải quan có sự khác biệt về tên hàng trên thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa so với các tài liệu khác là do cơ quan giám định xác định lô hàng nhập khẩu có đạt chất lượng theo Thông tư số 32/2009/TT-BTC, cơ quan giám định không thể xác định lô hàng đó là tồn kho hay không. Điều này thuộc chức năng của cơ quan Hải quan.

Cơ quan Hải quan cung cấp cho Tòa án 02 thông báo ấn định giá đối với mặt hàng vải cotton pha của hai doanh nghiệp khác làm căn cứ để áp đặt mức giá là không có cơ sở. Đối với hàng hóa tồn kho, tùy thuộc vào năng lực đàm phán, quan hệ làm ăn lâu dài với đối tác mà các doanh nghiệp có thể đàm phán để ký hợp đồng với các mức giá khác nhau. Hơn nữa vào thời điểm Công ty TNHH Đ tiến hành khai báo, công ty được biết nhiều doanh nghiệp khác được Cơ quan Hải quan chấp nhận mức giá tính thuế là 0,31 USD/m – 0,45 USD/m, mức giá này thậm chí thấp hơn mức giá mà công ty TNHH Đ đã khai báo.

Việc ấn định giá thuế của Cục trưởng Cục hải quan theo Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh là không phù hợp, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ, hủy Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT–STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bị kiện Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh có ông Phan Minh L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Phía người bị kiện không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Đ vì lý do sau:

Trên cơ sở kết quả thu thập thông tin từ doanh nghiệp nhằm làm rõ nghi vấn về trị giá giao dịch đối với mặt hàng vải cotton pha (Stock) do Công ty TNHH Đ khai báo nhập khẩu tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 4613/QĐ-HQHCM ngày 02/12/2015 về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan hải

quan đối với Công ty TNHH Đ, giám đốc công ty đã nhận quyết định kiểm tra theo đúng quy định.

Tuy nhiên, phía công ty đã không đến làm việc, không cử người có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật đến làm việc, giải trình các nội dung liên quan đến trị giá tính thuế của mặt hàng vải cotton pha (Stock) trong thời gian kiểm tra theo Quyết định số 4613/QĐ-HQHCM. Như vậy, Công ty TNHH Đ đã không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ quy định tại Điều 79 Luật Hải quan năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 142 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 79 Luật Hải quan năm 2014, điểm c khoản 4 Điều 142 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở hồ sơ, dữ liệu của cơ quan Hải quan và các quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể:

Qua kiểm tra hồ sơ do Doanh nghiệp cung cấp theo biên bản giao nhận số 86/BB-GN ngày 15/6/2015 và hồ sơ trong cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy:

- Có sự bất hợp lý về nội dung mô tả hàng hóa giữa hóa đơn giá trị gia tăng do công ty cung cấp và các chứng từ khác trong bộ hồ sơ Hải quan, cụ thể như sau: Tên hàng trên hóa đơn giá trị gia tăng do công ty cung cấp (số 0000001 ngày 10/12/2014), trên C/O, vận đơn (B/L) là vải Cotton pha khổ 58/60 không đúng tên hàng trên hợp đồng, hóa đơn thương mại và khai báo Hải quan là vải cotton pha (stock) khổ 58/60.

- Doanh nghiệp đã không khai báo đầy đủ nội dung mô tả hàng hóa theo quy định tại Thông tư số 156/2011TT-BTC ngày 14/11/2011 và Thông tư số 103/2015/TT-BTC ngày 01/7/2015, không khai báo công dụng, thành phần cấu tạo, đặc tính sản phẩm đối với mặt hàng nhập khẩu nêu trên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 và điểm 1.78 phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015.

- Có mâu thuẫn về tên hàng giữa các chứng từ trong một số bộ hồ sơ hải quan (tên hàng trên vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu E, Thông báo kiểm tra chất lượng hàng hóa có sự khác biệt với tên hàng trên hợp đồng, hóa đơn thương mại và khai báo hải quan, ví dụ một số trường hợp sau:

+ Tờ khai 100513569330/A11 ngày 13/8/2015, tờ khai số 100568426820/A11 ngày 26/9/2015 (tên hàng ghi trên C/O là mixed cotton fabric width 58/60 có điểm khác biệt với tên hàng trên hợp đồng, hóa đơn thương mại và khai báo hải quan là mixed cotton (stock) fabric width 58/60: vải cotton pha (stock) khổ 58/60.

+ Tờ khai số 100547428440/A11 ngày 10/9/2015, tờ khai số 100554819520/A11 ngày 16/9/2015 (tên hàng trên vận đơn, C/O là: Mixed cotton fabric width 58/60 có điểm khác biệt với tên hàng trên hợp đồng, hóa đơn thương mại và khai báo hải quan là mixed cotton (stock) fabric width 58/60: vải cotton pha (Stock) khổ 58/60.

+ Tờ khai số 100292827460/A11 ngày 02/2/2015, tờ khai số 1000351842250/A11 ngày 02/4/2015 (tên hàng trên thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa là vải coton pha, có điểm khác biệt với tên hàng trên hợp đồng, hóa đơn thương mại và khai báo hải quan là: mixed cotton (stock) fabric width 58/60: vải cotton pha (tồn kho) khổ 58/60).

+ Tờ khai số 100587067930/A11 ngày 12/10/2015 (tên hàng trên C/O là vải cotton pha, có điểm khác biệt với tên hàng trên hợp đồng, hóa đơn thương mại và khai báo hải quan là: mixed cotton (stock) fabric width 58/60: vải cotton pha (tồn kho) khổ 58/60).

+ Tờ khai số 100351842250/A11 ngày 02/4/2015: Tại thời điểm kiểm tra, Công ty không xuất trình, cung cấp chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

+ Tờ khai số 100292827460/A11 ngày 02/2/2015: Tại thời điểm kiểm tra, căn cứ bộ hồ sơ hải quan trong dữ liệu của cơ quan Hải quan, hồ sơ do công ty cung cấp thì chứng từ thanh toán thể hiện tên người thụ hưởng, số tài khoản thụ hưởng không đúng như quy định tại hợp đồng ngoại thương trong hồ sơ hải quan.

Căn cứ Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007; tiết b.1.1, b.1.3.1, b.1.3.2 và điểm 2.3.2.1 khoản 7 Điều 1 Thông tư số 29/2014/TT-BTC ngày 26/2/2014 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 40/2007/NĐ-CP; Căn cứ quy định tại Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ; Căn cứ quy định tại điểm b.1, b.4 khoản 4 Điều 142 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015; Căn cứ quy định tại Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015. Trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, dữ liệu của cơ quan hải quan nêu trên, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy mặt hàng vải cotton pha (Stock) do Công ty TNHH Đ nhập khẩu không đủ điều kiện để được áp dụng phương pháp trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch. Do vậy, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã bác bỏ trị giá khai báo và áp dụng tuần tự các phương pháp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp suy luận trên cơ sở trị giá tính thuế của mặt hàng tương tự đối với mặt hàng vải do Công ty TNHH Đ khai báo nhập khẩu tại 38 tờ khai hải quan.

Căn cứ quy định tại Điều 97, Điều 100 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và khoản 5 Điều 142 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 và Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 về việc ấn định thuế đối với 38 lô hàng vải cotton pha (stock) do Công ty TNHH Đ khai báo nhập khẩu theo 38 bộ hồ sơ hải quan đăng ký tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy việc ban hành quyết định này là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm số 526/2017/HCST ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2005; Luật Hải quan năm 2014; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư 38/2015/TT/BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư 29/2014/TT-BTC ngày 26/2/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dân Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định giá trị hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH Đ:

Hủy Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện Công ty TNHH Đ về việc yêu cầu hủy Thông báo số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 17/5/2017 Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh (do người đại diện theo ủy quyền thực hiện) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 526/2017/HC-ST ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Bác yêu cầu của người khởi kiện, giữ nguyên nội dung của Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh (có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Vì Công ty TNHH Đ không đến làm việc để giải trình các nội dung liên quan đến trị giá tính thuế của mặt hàng vải cotton pha (Stock) trong thời gian kiểm tra theo Quyết định số 4613/QĐ-HQHCM. Nên Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã dựa trên cơ sở kết quả kiểm tra hồ sơ, dữ liệu do Công ty TNHH Đ đã khai báo nhập khẩu tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh và nhận thấy mặt hàng vải cotton pha (Stock) do Công ty TNHH Đ nhập khẩu không đủ điều kiện để được áp dụng phương pháp trị giá tính thuế

theo trị giá giao dịch. Do vậy, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã bác bỏ trị giá khai báo và áp dụng tuần tự các phương pháp xác định trị giá tính thuế theo phương pháp suy luận trên cơ sở trị giá tính thuế của mặt hàng tương tự đối với mặt hàng vải do Công ty TNHH Đ đã khai báo nhập khẩu tại 38 tờ khai hải quan đã đăng ký tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 và Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 về việc ấn định thuế đối với 38 lô hàng vải cotton pha (stock) do Công ty TNHH Đ khai báo nhập khẩu theo 38 bộ hồ sơ hải quan đăng ký tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh nêu trên, là đúng quy định của pháp luật. Cho đến nay, Công ty TNHH Đ cũng không chứng minh được hàng nhập khẩu là vải cotton pha tồn kho, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về kháng cáo của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh: Sau khi xem xét, đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ vì quyết định này được ban hành theo Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 với những lý do đưa ra là không có cơ sở. Hồ sơ hải quan do Công ty TNHH Đ khai báo nhập khẩu đã đảm bảo đầy đủ theo quy định, trong đó có hợp đồng mua bán hành hóa, hóa đơn chứng từ thanh toán. Toàn bộ hồ sơ nhập khẩu đã được Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra, nếu có sự không thống nhất, chưa rõ thì Cơ quan Hải quan phải yêu cầu Công ty TNHH Đ bổ sung ngay từ đầu chứ không phải đến khi kiểm tra sau thông quan mới yêu cầu bổ sung. Theo đó thấy rằng, 38 bộ hồ sơ khai báo nhập khẩu của Công ty TNHH Đ nếu có những vấn đề không thống nhất là lỗi của Cơ quan Hải quan, nên việc Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 để tính lại thuế đối với 38 lô hàng vải cotton pha (stock) của Công ty TNHH Đ đã khai báo nhập khẩu trước đó, là không có căn cứ, gây khó khăn, bất lợi cho doanh nghiệp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người bị kiện Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm:

*- Về tố tụng:*

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

*- Về nội dung:*

[2] Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung là ấn định thuế đối với mặt hàng "vải cotton pha (stock) các loại" xuất xứ Trung Quốc thuộc 38 tờ khai hải quan đăng ký từ ngày 25/11/2014 đến ngày 24/11/2015 tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Đ, MST: 0312977489, địa chỉ: Đường số X, Khu phố X1, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số tiền thuế theo kê khai: 1.728.682.286 đồng, số tiền thuế ấn định: 2.371.489.044, chênh lệch sau ấn định: 655.951.978 đồng, số tiền thuế đã nộp 1.728.682.286 đồng, số tiền thuế còn phải nộp: 655.951.978 đồng. Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành trên cở sở xem xét Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 đối với Công ty TNHH Đ.

[3] Xét kết quả kiểm tra theo Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.1] Xét kết quả kiểm tra tại Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung: Công ty TNHH Đ không đến làm việc, không chấp hành theo Quyết định kiểm tra số 4613/QĐ-HQHCM ngày 02/12/2015 về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Hải quan đối với Công ty TNHH Đ (quyết định kiểm tra sau thông quan):

Công ty TNHH Đ xác nhận được giao quyết định kiểm tra sau thông quan vào ngày 09/12/2015, trễ 1 ngày so với ngày bắt đầu kiểm tra là ngày 08/12/2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh cũng xác nhận việc giao quyết định kiểm tra sau thông quan cho Công ty TNHH Đ vào ngày 09/12/2015. Trong khi đó, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh giao quyết định kiểm tra sau thông quan cho Giám đốc Công ty TNHH Đ, nhưng lại không lập biên bản, chỉ ký nhận phía sau tờ quyết định và cũng không yêu cầu ghi ngày nhận. Như vậy, Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã không thực hiện đúng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 143 Thông tư 38/2015/TT-BTT ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính và khoản 2 Điều 79 Luật Hải quan 2014 là phải giao quyết định kiểm tra sau thông quan cho người khai hải quan trong thời gian 3 ngày làm việc kể từ ngày ký và chậm nhất là 5 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra. Do Công ty TNHH Đ nhận quyết định trễ hơn so với thời gian quy định, nên không thể có mặt đúng vào thời gian kiểm tra.

Ngoài ra, Công ty TNHH Đ còn trình bày: Sau khi nhận quyết định kiểm tra sau thông quan, Công ty TNHH Đ có cử ông Phạm Mạnh Hà đại diện Công ty TNHH Đ đến trụ sở Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh làm việc nhưng Cơ quan Hải quan không yêu cầu ông H xuất trình ủy quyền, không lập biên bản kiểm tra và không trao đổi, giải quyết những nội dung trong quyết đinh kiểm tra sau thông quan. Cơ quan Hải quan thừa nhận ông H có đến trụ sở Hải quan nhưng không có giấy ủy quyền, nên cơ quan hải quan không làm việc và cũng không lập biên bản ghi nhận sự việc này.

Chính vì vậy xét thấy, Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Công ty TNHH Đ không đến làm việc, không chấp hành theo Quyết định kiểm tra số 4613/QĐ-HQHCM ngày 02/12/2015 về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở Hải quan đối với Công ty TNHH Đ, là không có cơ sở. Do đó, trong trường hợp này, không có cơ sở để áp dụng quy định tại tiết b.1.3.1 khoản 7 Điều 1 Thông tư 29/2014/TT-BTC ngày 26/02/2014 sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 27 Thông tư 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính: "quá thời hạn yêu cầu giản trình mà doanh nghiệp không đến giải trình" là một trong những trường hợp bị bác bỏ mức giá khai báo và xác định trị giá tính thuế đối với mặt hàng "vải cotton pha (stock) các loại" xuất xứ Trung Quốc thuộc 38 tờ khai hải quan đăng ký từ ngày 25/11/2014 đến ngày 24/11/2015 tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH Đ.

[3.2] Xét kết quả kiểm tra tại Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung: Qua kiểm tra hồ sơ hải quan do Công ty TNHH Đ cung cấp theo Biên bản giao nhận hồ sơ số 86/BB-GN ngày 15/6/2015, Cơ quan Hải quan nhận thấy nội dung khai báo có điểm khác biệt, mâu thuẫn với chứng từ (tờ khai số 10002928277460/A11 ngày 02/02/2015) cụ thể: Hợp đồng ngoại thương (contract), hóa đơn thương mại (invoice), bản kê chi tiết đóng gói hàng hóa (packinglist): không ghi tên đại diện, địa chỉ người bán, hợp đồng ngoại thương có cùng đối tác nhưng có chữ ký khác nhau. Tên hàng trên vận đơn có điểm khác biệt với tên hàng trên chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan (contract, invoice, packinglist) và khai báo hải quan; điểm khác biệt này được Cơ quan Hải quan giải trình là tên hàng trên vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa ghi tồn kho (stock):

Qua xem xét 38 bộ hồ sơ hải quan của Công ty TNHH Đ đăng ký từ ngày 25/11/2014 đến ngày 24/11/2015 tại Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Tất cả hợp đồng ngoại thương (Contract), hóa đơn thương mại (invoice), bản kê chi tiết đóng gói hàng hóa (packinglist) của mỗi bộ hồ sơ đều ghi nhận giống nhau về tên hàng hóa và các nội dung khác. Trong khi đó, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa là giấy ghi nguồn gốc của hàng hóa; thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa ghi nhận hàng hóa đủ điều kiện nhập khẩu; vận đơn ghi nhận việc vận chuyển hàng hóa, hàng hóa có tồn kho hay không thì cũng không ảnh hưởng đến nội dung của các tài liệu trên. Do đó, Hợp đồng

ngoại thương (Contract), hóa đơn thương mại (invoice), bản kê chi tiết đóng gói hàng hóa (packinglist): không ghi tên đại diện, địa chỉ người bán, hợp đồng ngoại thương có cùng đối tác nhưng có chữ ký khác nhau, tên hàng trên vận đơn, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa không ghi tồn kho (stock) đều không phải là mâu thuẫn giữa các nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa và cũng không phải là mâu thuẫn giữa các chứng từ tài liệu trong hồ sơ hải quan theo quy định tại tiết b.1.1 khoản 7 Điều 1 của Thông tư 29/2014/TT-BTC ngày 26/02/2014 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 của Thông tư 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính.

[3.3] Xét kết quả kiểm tra tại Thông báo kết quả kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung: Các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan và khai báo hải quan không thể hiện: Tỷ lệ thành phần của vải, mật độ sợi, tỷ lệ sợi, công dụng:

Theo điểm a khoản 1 Điều 18 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thì người khai hải quan phải khai đầy đủ các thông tin trên tờ khai hải quan theo hướng dẫn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này. Trong khi đó, tại điểm 1.78 Phụ lục II của Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định: Ghi rõ tên hàng, quy cách phẩm chất, thông số kỹ thuật, thành phần cấu tạo, model, kí/mã hiệu, đặc tính, công dụng của hàng hóa theo hợp đồng thương mại và tài liệu khác liên quan đến lô hàng. Trong hợp đồng thương mại đã ghi tên hàng là vải cotton pha khổ 58/60 (tồn kho), các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan cũng đã mô tả hàng hóa giống như hợp đồng thương mại, nên việc không ghi cụ thể về thành phần của vải, mật độ sợi, tỷ lệ sợi, công dụng là phù hợp với quy định tại điểm 1.78 Phụ lục II của Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 nêu trên.

[3.4] Xét lý do không xuất trình được các chứng từ thanh toán qua Ngân hàng (tờ khai số 100351842250 ngày 02/4/2015); trên chứng từ thanh toán qua Ngân hàng có tên người thụ hưởng, số tài khoản không đúng quy định tại hợp đồng ngoại thương trong hồ sơ hải quan (tờ khai số 100029287460/A11 ngày 02/2/2015):

Qua xem xét tờ khai số 100351842250 ngày 02/4/2015 nhận thấy trong bộ hồ sơ hải quan số tờ khai số 100351842250 ngày 02/4/2015 có bản phụ lục hợp đồng số 01 ngày 08/6/2015 cho thời hạn thanh toán là 06 tháng sau khi nhận hàng. Do tại thời điểm kiểm tra, chưa đến thời hạn thanh toán nên không có chứng từ thanh toán, sau khi thanh toán công ty TNHH Đ đã bổ sung chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Đối với lý do trên chứng từ thanh toán qua ngân hàng có tên người thụ hưởng, số tài khoản không đúng quy định tại Hợp đồng ngoại thương trong hồ sơ hải quan (tờ khai số 100029287460/A11 ngày 02/2/2015). Trong bộ hồ sơ hải quan (tờ khai số 100029287460/A11 ngày 02/2/2015) đã có phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/02/2015 và Phụ lục hợp đồng số 02 ngày

12/02/2015 với nội dung thay đổi người thụ hưởng và số tài khoản, chứng từ thanh toán qua ngân hàng đã ghi đúng tên người thụ hưởng và số tài khoản thay đổi, đúng nội dung phụ lục của hợp đồng.

[4] Từ phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, những lý do được nêu trong Thông báo kiểm tra sau thông quan số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh làm căn cứ để bác bỏ mức giá khai báo, xác định lại trị giá tính thuế và ban hành Quyết định ấn định thuế đối số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT – STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở, không đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH Đ; hủy Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, là có đủ căn cứ theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, bác kháng cáo của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Những ý kiến, quan điểm của những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Người kháng cáo là Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính.

- Bác kháng cáo của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 526/2017/HCST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 206 Luật tố tụng Hành chính năm 2015; Luật Hải quan năm 2014; Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính Phủ về Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư 38/2015/TT/BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính Quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư 29/2014/TT-BTC ngày 26/2/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số

điều của Thông tư số 205/2010/TT-BTC ngày 15/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dân Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/3/2007 của Chính phủ quy định về việc xác định giá trị hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty TNHH Đ:

Hủy Quyết định số 642/QĐ-HQHCM/ÂĐT-STQ ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện Công ty TNHH Đ về việc yêu cầu hủy Thông báo số 3742/TB-HQHCM ngày 21/12/2015 của Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả kiểm tra sau thông quan tại trụ sở cơ quan Hải quan.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Người bị kiện Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

+ Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AE/2011/02744 ngày 27/4/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh phải nộp 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0034310 ngày 30/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Cục trưởng Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 08 tháng 5 năm 2018.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (1);
-NLQ (4);
- Lưu (3) 17b (Án39)

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Đình Thanh**